TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2024/HS-ST
Ngày 24/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Vượng và ông Nguyễn Sơn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2024/TLST-HS ngày 21/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/HSST-QĐ ngày 11/7/2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Đình H, sinh ngày 13/3/1976; giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trần Đình T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Dương Thị H1, sinh năm 1973; Con: Có 02 con (đã trưởng thành). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Vũ Văn N, sinh ngày 30/3/1975; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Vũ Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1936; Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Hà Thị H2, sinh năm: 1981; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005). Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Tại bản án số 106/2013/HSST, ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Vũ Văn N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, phạt tiền 3.000.000 đồng về tội đánh bạc. Ngày 04/8/2014, chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 30/5/1986; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1951 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1953; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ năm; Vợ: Đinh Thị Quỳnh A, sinh năm 1991; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Nguyễn Đức H3, sinh ngày 29/5/1980, giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Đức N1, sinh năm: 1930 và bà Phan Thị P2, sinh năm 1934; Anh chị em ruột: có 08 người, bị cáo là con thứ tám; Vợ: Trần Thị Phương L, sinh năm 1985; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011). Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Ngày 30/8/2019, bị Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đặt máy đánh bạc trái phép, hình thức phạt tiền. Ngày 06/9/2019, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Lâm Quang C, sinh ngày 09/7/1984; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Lâm Quang M (đã chết) và bà Bùi Thị T3, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Đinh Thị D, sinh năm 1985; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Triệu Văn A1, sinh ngày 09/6/1979; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Tày; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Triệu Đức V, sinh năm 1959 và bà Lương Thị K, sinh năm 1959; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Phan Thị N2, sinh năm 1983; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2010). Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Ngày 20/8/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng về tội đánh bạc (Bản án số 23/2020/HSPT). Ngày 20/7/2021, chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 12/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án có lý do).

7. Ông Á S1, sinh ngày 08/8/1980; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Hoa; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Ông Á B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1936; Anh

chị em ruột: Có 08 người, bị cáo là con thứ năm; Vợ: Lâm Thị V1, sinh năm 1980; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

8. Phùng Văn L1, sinh ngày 18/3/1992; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phùng Văn Q, sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ sáu; Vợ: Nguyễn Nhật L2, sinh năm 1995; Con: Phùng Thị Quỳnh A2, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

9. Đoàn Văn H4, sinh ngày 19/02/1987; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đoàn Văn H5 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1951; Anh chị em ruột: Có 08 người, bị cáo là con thứ sáu; Vợ: Lý Thị H6, sinh năm 1984; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Ngày 01/12/2020, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, hình thức phạt tiền. Ngày 04/12/2020 H4 đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**** Những người làm chứng:***

1. Anh Trần Đình N3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Dương Văn G, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 10/4/2024, các bị cáo Vũ Văn N, Ông Á S1, Trần Đình H, Triệu Văn A1, Lâm Quang C, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn T2 và Phùng Văn L1 đến nhà Đoàn Văn H4 tại thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang chơi. Tại đây, các đối tượng cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi liêng được thua bằng tiền và hỏi mượn gian bếp nhà H4 làm địa điểm đánh bạc, H4 đồng ý và lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài cho các đối tượng sử dụng để đánh bạc và ngồi trên thảm xốp màu trắng có hoa văn, họa tiết nhiều màu trải sẵn trên nền bếp. Các đối tượng thống nhất sau khi chơi xong, những người thắng sẽ bỏ ra mỗi người 100.000 đồng để trả cho H4.

Luật chơi cụ thể như sau: Sử dụng bộ tú lơ khơ 52 quân bài, mỗi người chơi được chia 03 quân bài ngẫu nhiên, sau khi chia bài xong, mỗi người chơi sẽ góp "gà" số tiền 50.000 đồng, sau đó người chơi sẽ lên bài, tùy vào bài của mình cao hay thấp mà người chơi có thể úp bỏ bài, nếu thấy bài thấp đồng nghĩa với việc thua luôn ván bạc đó và mất số tiền đã góp gà, nếu không úp bỏ bài thì theo thứ tự từ người chia bài vòng tròn theo chiều kim đồng hồ người chơi sẽ tham gia "tố", nghĩa là đặt thêm tiền cược, số tiền đặt cược mỗi lần tham gia tố thấp nhất là 50.000 đồng, số tiền đặt cược mỗi lần tham gia tố cao nhất là 500.000 đồng. Người chơi liền kề phía sau người vừa "tố" phải "theo", nghĩa là đặt cược thêm số tiền bằng với số tiền người liền kề phía trước vừa "tố" hoặc là "tố" cao hơn nhưng không vượt quá 500.000 đồng. Nếu không "theo" hoặc "tố" thì sẽ phải úp bỏ bài và coi như thua luôn ván bạc đó. Sau khi kết thúc "tố" thì những người đã tham gia "tố" so bài với nhau.

- Liêng: Là bộ bài có 03 quân bài liên tiếp nhau. Liêng cao nhất là Q, K, A. Thấp nhất là A, 2, 3. Khi người chơi đều có liêng thì ai có liêng cao hơn sẽ thắng. Khi liêng bằng nhau thì so sánh chất lá bài thứ tự từ cao xuống thấp rô, cơ, tép, bích.

Nếu không có người chơi nào có "liêng" thì cộng tổng điểm của 03 lá bài lại rồi lấy số hàng đơn vị của kết quả để so sánh với nhau, điểm lớn nhất là 9, nhỏ nhất là 0 điểm, các lá bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm, quân A (át) được tính 1 điểm, ai cao điểm hơn tính bài lớn hơn, nếu bằng điểm nhau thì so sánh chất lá bài theo thứ tự rô, cơ, tép, bích.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc là 55.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Vũ Văn N mang theo 3.000.000 đồng mục đích sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt bạc thua 300.000 đồng. Tự nguyện giao nộp 2.700.000 đồng.

- Ông Á S1 có 600.000 đồng sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt thua hết số tiền 600.000 đồng.

- Trần Đình H mang theo 44.000.000 đồng mục đích sử dụng để đánh bạc, H lấy ra trước 1.000.000 đồng đánh bạc, cho H3 vay 1.000.000 đồng. Khi bị bắt không rõ thắng thua, tự nguyện giao nộp số tiền 42.000.000 đồng.

- Triệu Văn A1 có 700.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt không thắng không thua, tự nguyện giao nộp 700.000 đồng.

- Lâm Quang C có 1.800.000 đồng tham gia đánh bạc. Khi bị bắt đang thua bạc còn 1.400.000 đồng để trên chiếu bạc.

- Nguyễn Đức H3 có 1.600.000 đồng tham gia đánh bạc. Thua bạc vay của H 1.000.000 đồng. Khi bị bắt không rõ thắng thua và để tiền trên chiếu bạc.

- Nguyễn Văn T2 có 3.000.000 đồng tham gia đánh bạc. Khi bị bắt không rõ thắng thua và để toàn bộ số tiền trên chiếu bạc.

- Phùng Văn L1 có 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt thua bạc 150.000 đồng. Khi bị bắt cầm theo 150.000 đồng bỏ chạy.

- Đoàn Văn H4 không tham gia đánh bạc, chỉ ngồi xem. Thời điểm bị bắt quả tang, H4 chưa được nhận tiền hồ.

Khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc được thua bằng tiền thì bị Công an huyện S phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ gồm: 24.100.000 đồng tiền Ngân hàng N5 trên chiếu bạc; Vũ Văn N tự nguyện giao nộp 2.700.000 đồng; Triệu Văn A1 tự nguyện giao nộp 700.000 đồng; Trần Đình H tự nguyện giao nộp 42.000.000 đồng; 52 quân bài tú lơ khơ; 01 thảm xốp màu trắng có hoa văn, họa tiết nhiều màu; 08 chiếc điện thoại thu giữ của các đối tượng. Khi bị bắt quả tang, bị cáo L1 bỏ chạy đến ngày 20/4/2024 đến làm việc theo triệu tập của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S và tự nguyện giao nộp số tiền 150.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc là 55.000.000 đồng. Số tiền Cơ quan điều tra thu giữ trên chiếu bạc và các bị cáo tự nguyện giao nộp sử dụng vào mục đích đánh bạc là 69.650.000 đồng, còn chênh lệch 14.650.000 đồng không xác định được của bị cáo nào, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này

Từ nội dung trên, tại Bản Cáo trạng số 73/CT-VKSSD ngày 20 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 về tội Đánh bạc, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xác định, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 39.650.000 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương thay đổi Quyết định truy tố tại Cáo trạng số 73/CT-VKSSD ngày 20/6/2024, đề nghị đưa ra xét xử đối với các bị cáo Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 về tội Đánh bạc, quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 phạm tội "Đánh bạc".

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đình H từ **01** (một) năm đến **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ **02** (hai) năm đến **03** (ba) năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo Triệu Văn A1, Vũ Văn N từ **09** (chín) tháng đến **01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách từ **01** (một) năm **06** (sáu) tháng đến **02** (hai) năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H3 từ **09** (chín) tháng đến **01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách từ **01** (một) năm **06** (sáu) tháng đến **02** (hai) năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T2, Lâm Quang C từ **06** (sáu) tháng

đến **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ **01** (một) năm đến **01** (một) năm **06** (sáu) tháng.

** Thời gian thử thách án treo đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N6 cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.*

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 36 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo Ông Á S1, Đoàn Văn H4 từ **06** (sáu) tháng đến **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 là 09 ngày quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 36 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phùng Văn L1 từ **06** (sáu) tháng đến **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

** Thời điểm chấp hành án của các bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện S nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú quản lý, giáo dục.*

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 39.650.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 thảm xốp màu trắng có hoa văn, họa tiết nhiều màu.

- Trả lại cho bị cáo Lâm Quang C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 6Z 5G bên trong có lắp 01 sim V2; Ông Á Sinh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 bên trong có lắp 01 sim viettel; Đoàn Văn H4 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh; Nguyễn Đức H3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11, màu đen, bên trong có lắp 01 sim V2; Triệu Văn A1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Raedme C12, bên trong lắp 02 sim viettel; nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu xanh, bên trong có lắp 01 sim viettel; Vũ Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu ICALL, màu đen, bên trong điện thoại lắp 01 sim V2.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đình H 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906, màu đỏ, bên trong điện thoại lắp 02 sim V2 và số tiền 30.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng giữ lại khoản tiền 30.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được cải tạo không giam giữ; đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố; các bị cáo

không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng bị cáo Trần Đình H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất; các bị cáo khác nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố.

Riêng bị cáo Trần Đình H khai nhận tại Cơ quan điều tra về số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là 44.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận trong tổng số tiền 44.000.000 đồng, bị cáo có 14.000.000 đồng, vay thêm của anh Trần Đình N3 30.000.000 đồng để thanh toán tiền mua cây của anh Dương Văn G (số tiền mua cây là 38.000.000 đồng). Bị cáo xác định bị cáo có 14.000.000 đồng, lấy ra 1.000.000 đồng để đánh bạc, cho bị cáo H3 vay 1.000.000 đồng, còn 12.000.000 đồng nếu bị thua sẽ lấy số tiền này ra để sử dụng vào việc đánh bạc. Không sử dụng số tiền 30.000.000 đồng vào việc đánh bạc vì đây là tiền vay của anh N3 để đi mua cây. Lý do thay đổi lời khai là khi mới bị bắt bị cáo hoang mang lo sợ nên đã khai báo sử dụng hết số tiền 44.000.000 đồng tham gia đánh bạc, quá trình điều tra không dám thay đổi lời khai do sợ không được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Căn cứ kết quả xác minh và kết quả thẩm vấn, đối chất công khai tại phiên tòa giữa bị cáo Trần Đình H và những người làm chứng anh Trần Đình N3, anh Dương Văn G là phù hợp. Như vậy, có đủ cơ sở xác định số tiền bị cáo H đã, đang và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 13.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 23 giờ 10 phút ngày 10/4/2024, tại gian bếp nhà Đoàn Văn H4 thuộc thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Vũ Văn N, Ông Á S1, Trần Đình H, Triệu Văn A1, Lâm Quang C, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn T2 và Phùng Văn L1 có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Bị cáo Đoàn Văn H4 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo mượn địa điểm đánh bạc, là người chuẩn bị bộ tú lơ khơ 52 quân bài cho các bị cáo sử dụng làm công cụ đánh bạc.

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo H4 đã có hành vi cho các bị cáo mượn địa điểm, chuẩn bị bộ bài làm công cụ để các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc đủ định lượng cấu thành tội đánh bạc. Lỗi của các bị cáo là

lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo Vũ Văn N, Ông Á S1, Trần Đình H, Triệu Văn A1, Lâm Quang C, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn T2, Đoàn Văn H4 và Phùng Văn L1 về tội "Đánh bạc" quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc Hội đồng xét xử thấy rằng:

Số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc tổng cộng là 25.000.000 đồng (trong đó, Trần Đình H có 13.000.000 đồng, Vũ Văn N có 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn T2 có 3.000.000 đồng, Nguyễn Đức H3 có 2.600.000 đồng, Lâm Quang C có 1.800.000 đồng, Triệu Văn A1 có 700.000 đồng, Ông Á S1 có 600.000 đồng, Phùng Văn L1 có 300.000 đồng). Số tiền thu trên chiếu bạc và do các bị cáo giao nộp là 39.650.000 đồng, chênh lệch 14.650.000 đồng.

Số tiền chênh lệch trên được thu trên chiếu bạc nhưng không xác định được là của ai nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền này. Như vậy, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **39.650.000 đồng** (Ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[3]. Về việc thay đổi Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương

Cáo trạng số 73/CT-VKSSD ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo: Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 về tội Đánh bạc, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 321 Bộ luật Hình sự (Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 69.650.000 đồng).

Tại phiên tòa kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương thay đổi Quyết định truy tố tại Cáo trạng số 73/CT-VKSSD ngày 20 tháng 6 năm 2024, đề nghị đưa ra xét xử đối với các bị cáo Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 về tội đánh bạc, quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự (tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 39.650.000 đồng).

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương thay đổi Quyết định truy tố đối với các bị cáo từ điểm b, khoản 2, Điều 321 Bộ luật Hình sự xuống khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Ông Á S1, Trần Đình H, Lâm Quang C, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn T2, Đoàn Văn H4 và Phùng Văn L1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức H3 có bố đẻ là ông Nguyễn Đức N1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; Gia đình bị cáo Lâm Quang C là gia đình có công với cách mạng có cậu ruột Bùi Văn B2 là liệt sỹ, bà ngoại Nguyễn Thị N4 là mẹ Việt Nam anh hùng; Bị cáo Nguyễn Văn T2 có bố đẻ Nguyễn Văn S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; Các bị cáo Ông Á S1, Trần Đình H, Đoàn Văn H4, Triệu Văn A1, Vũ Văn N và Phùng Văn L1 có công ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa nhân ngày thương binh liệt sỹ 27/7 nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về mức độ phạm tội, vai trò và căn cứ áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nhất là trong tình hình hiện nay tệ nạn cờ bạc, số đề đang diễn ra hàng ngày. Các bị cáo vì hám lợi, tin vào sự may rủi, nhằm vừa thoả mãn lợi nhuận do may mắn lại vừa thoả mãn sự sát phạt lẫn nhau. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức; xét nhân thân, vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo HĐXX thấy rằng:

Bị cáo Đoàn Văn H4 không tham gia đánh bạc nhưng cho mượn địa điểm, chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ để các đối tượng dùng làm công cụ đánh bạc, nên xác định bị cáo có vai trò giúp sức trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Bị cáo Trần Đình H có số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất và cho bị cáo Nguyễn Đức H3 vay tiền giúp sức cho H3 đánh bạc, bị cáo có vai trò đồng phạm với bị cáo H3 nên phải chịu mức án cao nhất.

Bị cáo Triệu Văn A1 tuy số tiền tham gia đánh bạc ít nhưng đã bị xét xử về tội đánh bạc; Bị cáo Vũ Văn N đã bị xét xử về tội đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Đức H3 khi thua bạc còn vay tiền của bị cáo H để tiếp tục đánh bạc nên vai trò các bị cáo ngang nhau. Các bị cáo còn lại có số tiền tham gia đánh bạc thấp nhất, tính chất nguy hiểm trong hành vi không lớn, vai trò của các bị cáo tương đương nhau. Do vậy, tùy số tiền tham gia đánh bạc và hành vi của các bị cáo để lên mức án cho phù hợp đối với từng bị cáo.

Xong, khi lượng hình HĐXX thấy rằng: Các bị cáo Vũ Văn N, Triệu Văn A1 tuy đã bị Tòa án nhân dân xét xử về tội đánh bạc nhưng đã thi hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo Nguyễn Đức H3, Đoàn Văn H4 tuy đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý hành chính nhưng đã hết thời hiệu được coi là bị xử phạt vi phạm hành chính, thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng; Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì các bị cáo được coi là có nhân thân tốt. Do vậy, xác định các bị cáo trong vụ án đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác; mức độ phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo Triệu Văn A1 hiện mắc bệnh hiểm nghèo (đang chạy thận

nhân tạo). Do vậy, theo tính chất nhân đạo của Nhà nước và theo nguyên tắc xét xử theo hướng có lợi cho người phạm tội thì không cần thiết buộc các bị cáo Triệu Văn A1, Vũ Văn N, Trần Đình H, Lâm Quang C, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn T2 chấp hành hình phạt tù, cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo và xử cho các bị cáo Ông Á S1, Đoàn Văn H4 và Phùng Văn L1 được cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản gì có giá trị, bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2 thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo và miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Ông Á S1, Đoàn Văn H4 và Phùng Văn L1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5]. Về vật chứng:

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 thảm xốp màu trắng có hoa văn, họa tiết nhiều màu là tang vật của vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền: 39.650.000 đồng (Trong đó số tiền thu trên chiếu bạc là 24.100.000 đồng; Vũ Văn N giao nộp 2.700.000 đồng; Trần Đình H giao nộp 12.000.000 đồng; Triệu Văn A1 giao nộp 700.000 đồng; Phùng Văn L1 giao nộp 150.000 đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 30.000.000 đồng bị cáo Trần Đình H giao nộp là tiền bị cáo đi vay về để thanh toán tiền mua cây, đây là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo H nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Toàn bộ số tiền trên hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Đối với những chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc, cần tuyên trả lại cho các bị cáo, cụ thể: Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 6Z 5G bên trong có lắp 01 sim Viettel cho Lâm Quang C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 bên trong có lắp 01 sim V2 cho Ông Á Sinh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh, bên trong có lắp 01 sim Viettel cho Đoàn Văn H4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11, màu đen, bên trong có lắp 01 sim Viettel cho Nguyễn Đức H3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Raedme C12, bên trong lắp 02 sim Viettel cho Triệu Văn A1; nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906, màu đỏ, bên trong có lắp 02 sim Viettel cho Trần Đình H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ICALL màu đen, bên trong có lắp 01 sim Viettel cho Vũ Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu xanh, bên trong có lắp 01 sim V2 cho Nguyễn Văn T2.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Án phí: Các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2 thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, tuyên bố: Các bị cáo Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 - Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Đình H 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (24/7/2024).

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 - Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Vũ Văn N 01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách **02** (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (24/7/2024).

- Xử phạt bị cáo **Triệu Văn A1 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (24/7/2024).

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 - Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H3 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (24/7/2024).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (24/7/2024).

- Xử phạt bị cáo **Lâm Quang C 07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01** (một) năm **04** (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (24/7/2024).

** Giao các bị cáo Trần Đình H, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Triệu Văn A1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.*

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 58 - Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn H4 07** (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 là 09 ngày quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Ông Á S1 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 19/4/2024 là 09 ngày quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Phùng Văn L1 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

* Thời hạn cải tạo của các bị cáo tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện S nhận được Quyết định thi hành án.

** Giao bị cáo Đoàn Văn H4 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Giao các bị cáo Ông Á S1 và Phùng Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.*

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tú lơ khơ; 01 thảm xốp màu trắng có hoa văn nhiều màu là tang vật của vụ án.

3.2. Trả lại cho các bị cáo điện thoại di động là tài sản của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, cụ thể:

+ Trả lại cho Lâm Quang C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 6 Z 5G, kiểu máy CPH2237, số IMEI 1: 868311057516314, số IMEI 2: 868311057516306, số seri: XSLJD6KVAMOFEAW4, bên trong điện thoại lắp 01 sim V2 4G có số 8984044008813511173.

+ Trả lại cho Ông Á Sinh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38, kiểu máy CPH 2579, màu đen, số IMEI 1: 863017069731313, số IMEI 2: 863017069731305, số seri: QWSKTOGM8L69V8IR, bên trong điện thoại lắp 01 sim V2 4G có số 8984048000028179805.

+ Trả lại cho Đoàn Văn H4 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh, kiểu máy V21111, số seri: 3427033933003IX, số IMEI (K): 861428051442979, số IMEI 2 (K): 861428051442961.

+ Trả lại cho Nguyễn Đức H3 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 11, màu đen, số IMEI (K): 864163063988308, số IMEI 2 (K): 864163063988316, bên trong bên trong điện thoại lắp 01 sim V2 4G có số 8984048000051402189.

+ Trả lại cho Triệu Văn A1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme C12, kiểu máy RMX 2189, màu xanh, số IMEI 1: 869532056035779, số IMEI 2: 869532056035761, số seri: RCW4WWCIQT4YSA6, bên trong điện thoại lắp một sim Viettel 4G có số 8984048000908070133 và một sim có ghi Viettel 4G có số 8984048851001320924.

Nhưng giữ lại điện thoại của các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án

+ Trả lại cho Trần Đình H 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906, màu đỏ, số IMEI 1: 868613041200511, số IMEI 2: 868613041200503, bên trong điện thoại lắp 01 sim V2 4G có số 8984048000009672073 và 01 sim Viettel 4G có số 8984048000014065250.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu xanh, kiểu máy CPH2387, số IMEI 1: 863002064619937, số IMEI 2: 863002064619929, số seri: 8DKRNV29T0LNR8CE, bên trong điện thoại lắp 01 sim V2 4G có số 8984048841003574284.

+ Trả lại cho Vũ Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu ICALL, màu đen, số IMEI (khe 1): 35523052072639, số IMEI 2 (K): 355230520752647, bên trong điện thoại lắp 01 sim V2 có số 8984048000313716082.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án huyện Sơn Dương ngày 01/7/2024).

3.3. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 39.650.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

3.4. Trả lại cho bị cáo Trần Đình H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Toàn bộ số tiền trên hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4.1. Các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Triệu Văn A1, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn 100% tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2.

4.2. Các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Đức H3, Lâm Quang C, Ông Á S1, Phùng Văn L1 và Đoàn Văn H4, Vũ Văn N, Nguyễn Văn T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Triệu Văn A1 (vắng mặt khi tuyên án) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Hợp Hòa;
- UBND xã Tân Thanh;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến